



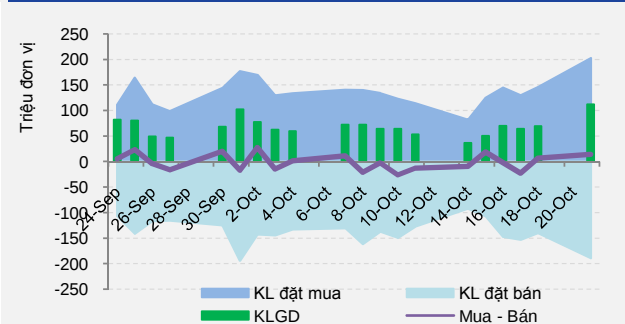
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/10/2013

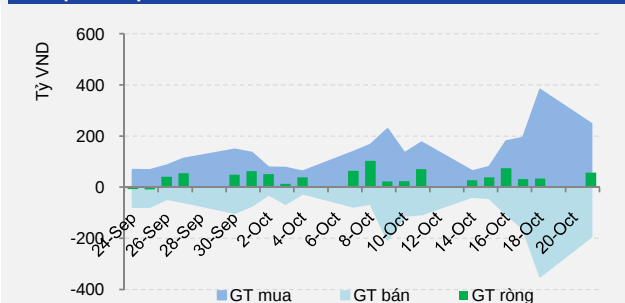
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	501.6	61.9
% Thay đổi	↑ 0.1%	↑ 0.7%
KLGD (CP)	112,133,650	51,610,060
GTGD (tỷ đồng)	1,473.76	372.15
Tổng cung (CP)	188,634,090	76,507,800
Tổng cầu (CP)	202,786,920	74,285,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,388,830	467,557
KL mua (CP)	6,402,280	2,533,400
GTmua (tỷ đồng)	248.79	21.32
GT bán (tỷ đồng)	192.36	6.56
GT ròng (tỷ đồng)	56.43	14.77

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.27%	7.5	1.6	2.6%
Công nghiệp	↑ 1.27%	746.5	1.0	22.4%
Dầu khí	↑ 0.38%	7.6	1.6	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.28%	13.6	1.8	2.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.77%	9.0	3.0	1.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.55%	12.5	5.0	16.6%
Ngân hàng	↓ -0.23%	7.2	1.3	5.3%
Nguyên vật liệu	↑ 0.18%	9.2	2.0	8.0%
Tài chính	↑ 0.93%	17.6	2.5	32.4%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.11%	9.2	3.3	7.0%
VN - Index	↑ 0.15%	13.2	2.9	80.3%
HNX - Index	↑ 0.67%	32.1	1.5	19.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	580,940	0.5%	1,466,770	1.3%
GTGD (tỷ VND)	22,431	1.5%	29,758	2.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index có phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp, dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp, kỳ vọng triển vọng lạc quan khi việc xử lý nợ xấu, đẩy mạnh đầu tư công diễn ra. Nhóm cổ phiếu lớn, chiếm tỷ trọng cao trong rổ tính Index như GAS, VCB, VNM, STB không có nhiều biến động. Xét theo nhu cầu điểm kỹ thuật, khối lượng đặt bán đã tăng mạnh khi chỉ số VN-Index tiến đến mức 503 điểm, tương đương mốc đỉnh đã thiết lập vào đầu tháng 10. Diễn biến thị trường giảm đà tăng về cuối phiên với KLGD tăng mạnh cho tín hiệu về áp lực cung. Tuy nhiên, dòng tiền có tín hiệu luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu, nhóm cổ phiếu lớn biến động hẹp chưa cho tín hiệu về sự phân phối. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tích lũy đi ngang quanh mốc 500 điểm trước khi bắt phá khỏi vùng này.

Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng có 5 phiên tăng điểm liên tiếp. Đà tăng đi kèm với sự gia tăng về khối lượng giao dịch cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật, chỉ số RSI cũng tăng trở lại lên mức cao mới. Nhìn chung thị trường có thể tiếp tục tăng điểm trong phiên giao dịch tới, với ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất là khoảng 63 điểm.

Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, việc gia tăng tỷ trọng cần cân nhắc kỹ hơn, tránh mua đuổi giá cao trong phiên.

- VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp, đóng cửa ở mức 501.57 điểm, tăng 0.74 điểm (+0.15%) so với phiên trước. Mức cao nhất trong phiên của chỉ số này là 503.72 điểm.

- HNX-Index cũng có phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp, chỉ số tăng 0.41 điểm và đóng cửa ở mức 61.93 điểm.

- Hôm nay, kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII khai mạc tại Hà Nội. Nội dung chính của kỳ họp bàn luận về các vấn đề: 1/ xem xét các báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, NSNN năm 2013; 2/ quyết định kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán NSNN năm 2014; 3/ tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2011-2015), Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế, phát hành bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ; 4/ xem xét thông qua Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và Luật đất đai sửa đổi.

- Phát biểu tại kỳ họp, Thủ tướng Chính phủ đánh giá về tình hình kinh tế xã hội năm 2013 và triển vọng năm 2014. Theo đó, tăng trưởng GDP năm 2013 ước đạt 5.4%, CPI 7%, bội chi khoảng 5.3% GDP, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia vẫn trong giới hạn an toàn. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2013 ước đạt 29.1% GDP, đưa chỉ số ICOR – chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng vốn – xuống 5.38 lần, giảm khá mạnh so với mức 6.66 lần vào cuối năm 2012. Về triển vọng năm 2014 - 2015, mục tiêu tổng quát tiếp tục là ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, phục hồi tăng trưởng... Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu được Chính phủ xác định cho năm 2014 là tăng trưởng GDP 5.8%, CPI tăng 7%, kim ngạch xuất khẩu tăng 10%, nhập siêu khoảng 6%, bội chi ngân sách 5.3% GDP, tổng vốn đầu tư toàn xã hội bằng khoảng 30% GDP.

- Các giải pháp để hoàn thành mục tiêu là điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, chính sách tài khóa chặt chẽ, tăng dự trữ ngoại tệ, hợp và đảm bảo chất lượng tín dụng. **Giải pháp thúc đẩy thị trường vốn, thị trường chứng khoán cũng là các giải pháp được đề cập**, nhằm tạo kênh thu hút vốn hiệu quả hơn cho nền kinh tế, bên cạnh kênh tín dụng của hệ thống Ngân hàng, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái cơ cấu DNNN, thu hút vốn FII. Chính phủ cũng đề nghị Quốc hội xem xét chấp thuận mức bội chi NSNN năm 2013 - 2014 là 5.3% GDP, từ năm 2015 sẽ điều chỉnh giảm dần, phát hành thêm trái phiếu Chính phủ trong trần nợ công cho phép (65% GDP), sử dụng cổ tức từ các doanh nghiệp có phần vốn góp của nhà nước chưa giao về SCIC để bổ sung vốn đầu tư cơ sở hạ tầng trong 2 năm 2013 - 2014.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp, đóng cửa ở mức 501.57 điểm, tăng 0.74 điểm (+0.15%) so với phiên trước. Mức cao nhất trong phiên của chỉ số này là 503.72 điểm.

- KLGD tăng mạnh so với phiên trước, lên 109 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 64 điểm, tâm lý thị trường nghiêng về lạc quan.

Nhận định: Chỉ số VN-Index có phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp, dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp, kỳ vọng triển vọng lạc quan khi việc xử lý nợ xấu, đẩy mạnh đầu tư công diễn ra. Nhóm cổ phiếu lớn, chiếm tỷ trọng cao trong rổ tính Index như GAS, VCB, VNM, STB không có nhiều biến động.

Xét theo quan điểm kỹ thuật, áp lực cung đã tăng mạnh khi chỉ số VN-Index tiến đến mức 503 điểm, tương đương mốc đỉnh đã thiết lập vào đầu tháng 10. Diễn biến thị trường giảm đà tăng về cuối phiên với KLGD tăng mạnh cho tín hiệu về áp lực cung. Tuy nhiên, dòng tiền có tín hiệu luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu, nhóm cổ phiếu lớn biến động hẹp chưa cho tín hiệu về sự phân phối. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tích lũy đi ngang quanh mốc 500 điểm trước khi bứt phá khỏi vùng này. Nhà đầu tư nên tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, tuy nhiên việc gia tăng tỷ trọng cần cân nhắc kỹ hơn, tránh mua đuổi giá cao trong phiên.

HNX-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index cũng có phiên tăng điểm thứ 5 liên tiếp, chỉ số tăng 0.41 điểm và đóng cửa ở mức 61.93 điểm.

- KLGD phiên hôm nay tăng mạnh hơn so với phiên hôm trước với hơn 49 triệu cổ phiếu giao dịch.

- Chỉ số RSI tăng lên 65 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index có 5 phiên tăng điểm liên tiếp. Đà tăng đi kèm với sự gia tăng về khối lượng giao dịch cho tín hiệu tích cực về kỹ thuật, chỉ số RSI cũng tăng trở lại lên mức cao mới. Nhìn chung thị trường có thể tiếp tục tăng điểm trong phiên giao dịch ngày mai. Ngưỡng cản kỹ thuật của thị trường là khoảng 63 điểm. Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ hoặc gia tăng tỷ trọng ở mức độ vừa phải, ưu tiên vào cổ phiếu cơ bản có thanh khoản cao.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.8	68.1%	49.18	79.2%	50%	1.4%
2	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.2	81.8%	0.79	4.6%		0.1%
3	NDN	HNX	54.50	144.6%	10.11	568.0%	109.5	115.5%	16.75	365.7%	135%	0.1%
4	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.5	93.8%	14.19	426.1%	115%	20.8%
5	APS	HNX	4.15	92.0%	0.70	280.0%	15.7	60.1%	4.58	37.4%	40%	14.0%
6	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.7	93.9%	117.65	167.8%	155%	16.6%
7	KSD	HNX	15.57	66.8%	1.11	223.3%	56.0	46.3%	-1.32	3.9%		0.1%
8	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.2	54.5%	5.1	-162.9%	223%	4.4%
9	HBS	HNX	4.77	71.6%	0.06	200.0%	16.3	62.6%	0.19	126.7%	127%	0.0%
10	HPG	HOSE	4,384.80	109.0%	551.50	191.0%	12,664.0	100.3%	1520.03	185.6%	127%	43.9%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN 9T TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
2	NDN	HNX	54.50	144.6%	10.11	568.0%	109	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
3	HPG	HOSE	4,384.80	109.0%	551.50	191.0%	12,664	100.3%	1,520.03	185.6%	126.7%	43.9%
4	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	186	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	16.6%
5	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2,333	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	12.8%
6	DRC	HOSE	629.78	96.7%	90.46	122.5%	2,008	94.5%	279.28	128.2%	89.3%	29.1%
7	HBS	HNX	4.77	71.6%	0.06	200.0%	16	62.6%	0.19	126.7%	126.7%	0.0%
8	HHS	HOSE	108.65	93.8%	18.80	125.0%	347	108.0%	59.00	122.3%	73.8%	0.0%
9	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1,053	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.4%
10	BMC	HOSE	99.05	123.9%	18.44	89.2%	295	107.3%	61.17	82.2%	76.5%	11.5%

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.2	19.4%	406.6%	0.6%
2	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
3	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.7	167.8%	155.3%	16.6%
4	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1,053.25	115.0%	80.6	104.6%	149.8%	1.4%
5	NDN	HNX	54.50	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.8	365.7%	134.8%	0.1%
6	HPG	HOSE	4,384.80	109.0%	551.50	191.0%	12,663.96	100.3%	1,520.0	185.6%	126.7%	43.9%
7	HBS	HNX	4.77	71.6%	0.06	200.0%	16.33	62.6%	0.2	126.7%	126.7%	0.0%
8	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2,332.60	102.2%	257.7	138.4%	125.0%	12.8%
9	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.2	426.1%	114.9%	20.8%
10	HPC	HNX	5.95	100.7%	1.68	18.2%	28.67	119.2%	9.1	30.9%	90.2%	1.7%

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

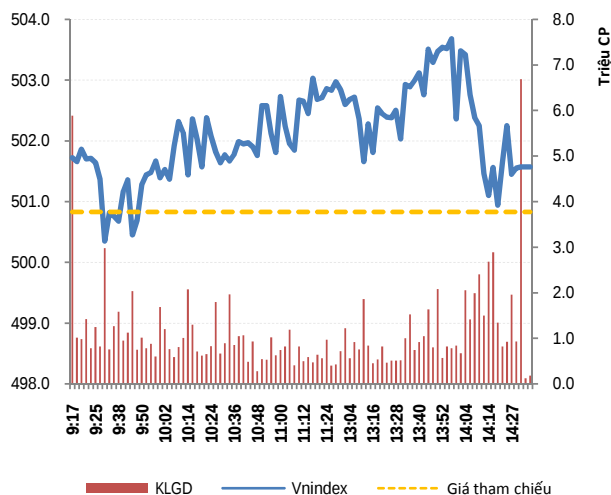
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 21/10/2013.

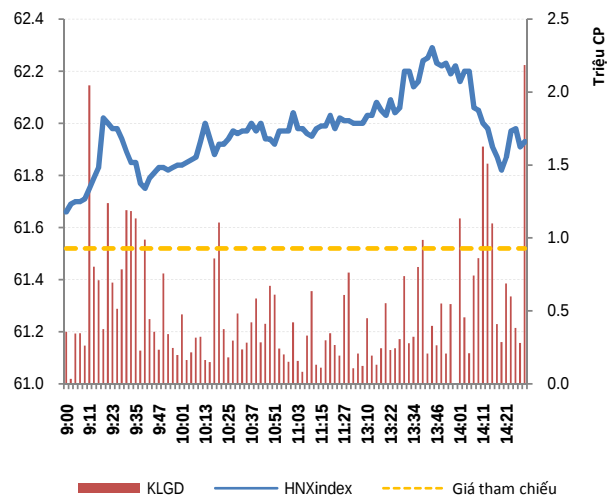
KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên



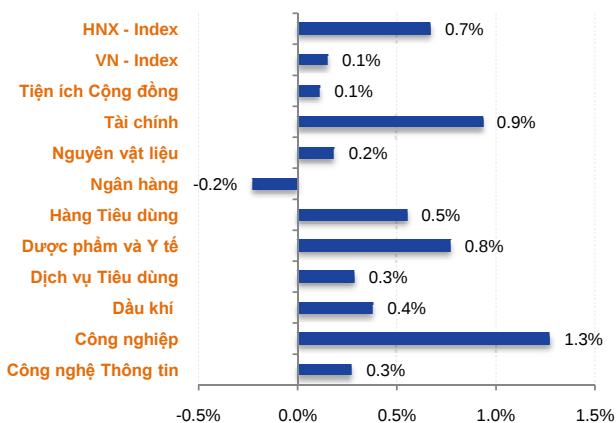
KLGD và VN-Index trong phiên



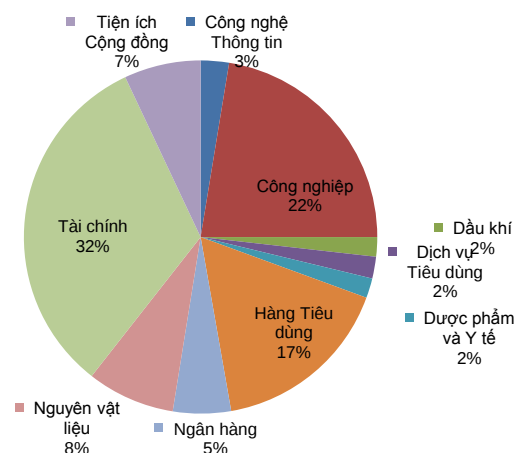
KLGD và HNX-Index trong phiên



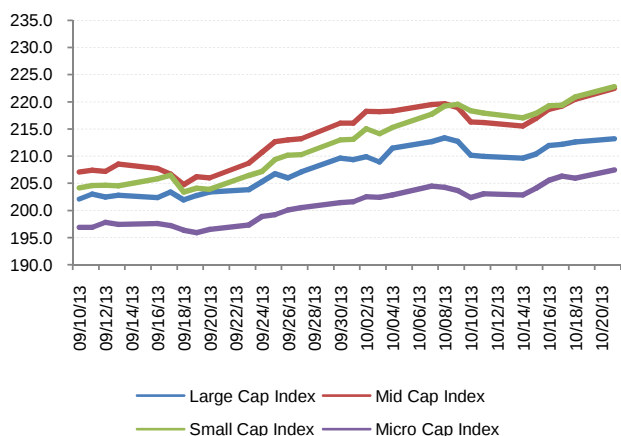
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



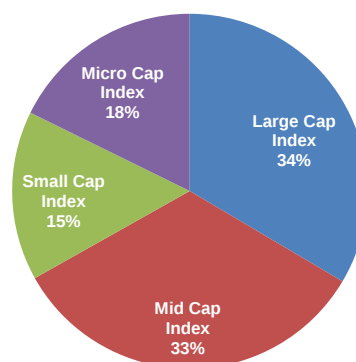
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	597,040	HQC	420,000
2	CTG	358,690	SBT	416,280
3	GMD	266,870	PPC	164,320
4	ITA	260,200	GAS	155,870
5	BVH	238,110	HBC	134,420

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	1,651,000	CTS	101,700
2	PVX	179,800	DBC	77,000
3	ICG	78,500	AAA	28,600
4	VCG	76,200	SCR	16,700
5	PGS	54,000	SDT	4,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.3	6.4	↑ 1.59%	11,272,060
HQC	6.1	6.5	↑ 6.56%	5,522,770
FLC	4.9	5.0	↑ 2.04%	5,143,990
HAR	7.0	6.9	↓ -1.43%	4,379,100
PVT	9.7	10.2	↑ 5.15%	3,889,830

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.9	7.0	↑ 1.49%	8,475,796
SCR	5.7	5.7	→ 0.00%	4,724,350
VCG	9.0	9.3	↑ 3.43%	3,826,562
PVX	2.3	2.4	↑ 4.00%	3,226,741
KLS	8.3	8.6	↑ 3.24%	3,214,890

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ITD	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
NHS	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
C32	16.0	17.1	1.1	↑ 6.88%
VRC	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
DRH	1.5	1.6	0.1	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHN	0.6	0.7	0.1	↑ 16.33%
LO5	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
NHA	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
NHC	15.0	16.5	1.5	↑ 10.00%
PPG	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCI	10.4	9.7	-0.7	↓ -6.73%
NHW	12.4	11.6	-0.8	↓ -6.45%
RDP	15.6	14.6	-1.0	↓ -6.41%
EMC	5.0	4.7	-0.3	↓ -6.00%
VSI	5.3	5.0	-0.3	↓ -5.66%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	22.0	19.8	-2.2	↓ -9.85%
VNF	14.3	12.9	-1.4	↓ -9.77%
CSC	7.2	6.5	-0.7	↓ -9.57%
LM7	4.2	3.8	-0.4	↓ -9.40%
NIS	11.0	10.0	-1.0	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	11,272,060	0.3%	31	209.1	0.5
HQC	5,522,770	2.7%	263	24.7	0.6
FLC	5,143,990	4.3%	661	7.6	0.3
HAR	4,379,100	3.0%	306	22.6	0.7
PVT	3,889,830	5.6%	630	16.2	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	8,475,796	-2.9%	(335)	-	0.6
SCR	4,724,350	-3.1%	(450)	-	0.4
VCG	3,826,562	1.3%	150	60.6	0.8
PVX	3,226,741	-67.8%	(4,616)	-	0.6
KLS	3,214,890	6.4%	810	10.4	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ITD	↑ 7.0%	4.5%	746	6.2	0.3
NHS	↑ 7.0%	14.5%	3,177	3.9	0.6
C32	↑ 6.9%	25.1%	4,300	4.0	1.0
VRC	↑ 6.8%	0.1%	7	629.0	0.4
DRH	↑ 6.7%	-6.1%	(626)	-	0.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	↑ 16.3%	-123.3%	(3,000)	-	0.7
LO5	↑ 10.0%	2.4%	346	9.5	0.2
NHA	↑ 10.0%	-0.5%	(51)	-	0.4
NHC	↑ 10.0%	6.6%	1,599	10.3	0.7
PPG	↑ 10.0%	-26.5%	(2,958)	-	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	597,040	5.0%	938	24.1	1.3
CTG	358,690	19.2%	2,589	6.8	1.2
GMD	266,870	4.7%	1,866	15.6	0.7
ITA	260,200	0.3%	31	209.1	0.5
BVH	238,110	9.0%	1,607	24.9	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	1,651,000	-2.9%	(335)	-	0.6
PVX	179,800	-67.8%	(4,616)	-	0.6
ICG	78,500	-4.0%	(485)	-	0.5
VCG	76,200	1.3%	150	60.6	0.8
PGS	54,000	24.4%	5,218	4.8	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	41.6%	6,429	10.0	3.8
VNM	118,353	40.5%	7,699	18.4	7.0
VCB	68,596	9.9%	1,785	16.6	1.7
CTG	65,904	19.2%	2,589	6.8	1.2
VIC	59,976	38.3%	4,976	13.3	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	0.3%	41	385.7	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,192	16.4%	2,738	5.9	1.0
SHB	6,203	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	583	41.2	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	3.20	-41.0%	(2,320)	-	0.4
CLG	2.48	9.9%	1,250	7.4	0.8
NKG	2.44	-20.2%	(2,085)	-	0.8
TS4	2.42	7.9%	1,504	5.5	0.4
PET	2.09	15.1%	2,689	8.0	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	4.56	1.3%	135	23.7	0.3
HDA	4.36	13.8%	1,780	5.6	0.8
PVV	3.97	-24.8%	(2,293)	-	0.3
SDH	3.71	-16.1%	(1,276)	-	0.5
PSI	3.46	0.4%	40	151.4	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)